

Thời gian : -

Điểm thi kết thúc học phần của môn học này được đưa lên webstie để cho sinh viên xem, kiểm tra lại điểm quá trình và điểm thi, nếu có sai sót sinh viên đến Phòng Đào Tạo hoặc gửi email : khanhdtq@duytan.edu.com.vn để điều chỉnh.

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN	LỚP	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP										ĐIỂM TỔNG KẾT	
				A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ	
				10	10	10			15			55			
1	141320111	Trịnh Thị Thanh	Xuyên	C14KCD1	9	9	9			8			6.4	7.4	Bảy phẩy Bốn
2	132224752	Võ Thành	Tâm	K14KKT1	6	6	6			9			7.6	7.3	Bảy phẩy Ba
3	132315638	Trần Thị Huyền	Dung	K14KKT1	10	10	9			8.5			7.7	8.4	Tám phẩy Bốn
4	132315654	Lương Thị	Hải	K14KKT1	10	10	8.5			9			8.0	8.6	Tám phẩy Sáu
5	132315711	Lê Đăng	Huy	K14KKT1	9	10	7.5			7			V	V	Vắng
6	132315810	Phan Thị Kiều	Oanh	K14KKT1	0	0	0			0			V	V	Vắng
7	142121110	Phạm Ngọc	Tĩnh	K14KKT1	7	7	6			8.5			5.5	6.3	Sáu phẩy Ba
8	142311595	Đặng Thị Như	Ba	K14KKT1	10	9	9			8.5			5.6	7.2	Bảy phẩy Hai
9	142311599	Trần Quang	Cảm	K14KKT1	6	6	6			6			V	V	Vắng
10	142311603	Nguyễn Thị	Chi	K14KKT1	10	10	9			7			6.8	7.7	Bảy phẩy Bảy
11	142311611	Nguyễn Hồng	Đào	K14KKT1	10	9	8.5			9			6.5	7.7	Bảy phẩy Bảy
12	142311621	Nguyễn Minh	Đồng	K14KKT1	9	7	6			6.2			5.2	6.0	Sáu
13	142311623	Lê Thuỳ	Dung	K14KKT1	10	10	8.5			7.5			6.3	7.4	Bảy phẩy Bốn
14	142311628	Lê Ngọc	Duy	K14KKT1	10	10	10			8.6			7.8	8.6	Tám phẩy Sáu
15	142311633	Trần Thành	Duyên	K14KKT1	10	10	8.5			7			6.5	7.5	Bảy phẩy Năm
16	142311640	Nguyễn Thị Thu	Hà	K14KKT1	10	10	9			7			7.3	8.0	Tám
17	142311650	Nguyễn Trần Thu	Hiền	K14KKT1	8	9	8			9			7.5	8.0	Tám
18	142311652	Võ Thị Thanh	Hiền	K14KKT1	10	10	9			10			8.9	9.3	Chín phẩy Ba
19	142311659	Huỳnh Thị Thanh	Hoa	K14KKT1	10	10	9			8			7.9	8.4	Tám phẩy Bốn
20	142311669	Lê Thị	Hồng	K14KKT1	10	10	9			6.7			7.0	7.8	Bảy phẩy Tám
21	142311673	Lê Thị Lan	Hương	K14KKT1	10	10	8.5			8.5			7.1	8.0	Tám
22	142311683	Lê Thị Mai	Huyền	K14KKT1	10	10	9			6.5			6.8	7.6	Bảy phẩy Sáu
23	142311687	Nguyễn Thị Phương	Khánh	K14KKT1	9	9	8.5			9			6.9	7.8	Bảy phẩy Tám
24	142311697	Bùi Thị Mỹ	Lệ	K14KKT1	10	9	8			9.5			5.7	7.3	Bảy phẩy Ba
25	142311704	Phan Thùy	Linh	K14KKT1	10	9	9			8.5			6.1	7.4	Bảy phẩy Bốn
26	142311708	Nguyễn Thành	Linh	K14KKT1	9	9	8.5			8			5.2	6.7	Sáu phẩy Bảy
27	142311717	Huỳnh Thị Ly	Ly	K14KKT1	10	10	9			8			7.9	8.4	Tám phẩy Bốn
28	142311727	Trương Thị Trúc	My	K14KKT1	10	8	9			8.5			6.5	7.6	Bảy phẩy Sáu
29	142311739	Nguyễn Công	Ngọc	K14KKT1	9	9	10			6.4			V	V	Vắng
30	142311749	Trần Thị Thanh	Nhàn	K14KKT1	10	10	8			9			7.4	8.2	Tám phẩy Hai
31	142311760	Trương Thị Hồng	Nhung	K14KKT1	10	10	9			9.5			9.2	9.4	Chín phẩy Bốn
32	142311773	Lê Ngọc	Quang	K14KKT1	10	10	8.5			7.5			7.5	8.1	Tám phẩy Một

Thời gian : -

Điểm thi kết thúc học phần của môn học này được đưa lên webstie để cho sinh viên xem, kiểm tra lại điểm quá trình và điểm thi, nếu có sai sót sinh viên đến Phòng Đào Tạo hoặc gửi email : khanhdtq@duytan.edu.com.vn để điều chỉnh.

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN	LỚP	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP										ĐIỂM TỔNG KẾT	
				A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ	
				10	10	10			15			55			
33	142311786	Hoàng Thị Hồng Tâm	K14KKT1	9	9	9.5			8.5			9.4	9.2	Chín phẩy Hai	
34	142311790	Hồ Đắc Tân	K14KKT1	10	10	9			8			6.6	7.7	Bảy phẩy Bảy	
35	142311795	Lê Thị Hoài Thanh	K14KKT1	9	9	8.5			8.3			8.7	8.7	Tám phẩy Bảy	
36	142311804	Hoàng Thị Phương Thảo	K14KKT1	10	10	8			9			7.0	8.0	Tám	
37	142311814	Lê Thị Thạo	K14KKT1	9	10	8.5			7			6.1	7.2	Bảy phẩy Hai	
38	142311820	Lê Thị Thương	K14KKT1	9	10	8.5			9			8.4	8.7	Tám phẩy Bảy	
39	142311830	Hoàng Diệu Thúy	K14KKT1	10	10	8.5			9.5			8.2	8.8	Tám phẩy Tám	
40	142311836	Nguyễn Thị Thu Thủy	K14KKT1	10	10	9.5			9			6.6	7.9	Bảy phẩy Chín	
41	142311853	Nguyễn Thị Huyền Trang	K14KKT1	10	9	8.5			9.5			7.3	8.2	Tám phẩy Hai	
42	142311857	Tô Thị Diệu Trang	K14KKT1	10	9	8.5			9			6.0	7.4	Bảy phẩy Bốn	
43	142311867	Phạm Anh Tuấn	K14KKT1	9	9	8			7.5			5.0	6.5	Sáu phẩy Năm	
44	142311871	Nguyễn Thị Tuyền	K14KKT1	10	10	8.5			9			6.7	7.9	Bảy phẩy Chín	
45	142311876	Nguyễn Trần Bảo Uyên	K14KKT1	10	10	9			9.5			8.9	9.2	Chín phẩy Hai	
46	142321992	Nguyễn Thị Hương Ly	K14KKT1	9	9	9			7.7			7.9	8.2	Tám phẩy Hai	
47	142412572	Trần Thị Thúy	K14KKT1	9	9	9			7.3			7.8	8.1	Tám phẩy Một	
48	132315618	Nguyễn Triệu Xuân Các	K14KKT2	10	10	9			9.5			8.4	8.9	Tám phẩy Chín	
49	142251542	Phạm Thị Lan Phương	K14KKT2	9	10	9.5			9			7.8	8.5	Tám phẩy Năm	
50	142311596	Nguyễn Thị Ba	K14KKT2	10	10	9			9			6.8	8.0	Tám	
51	142311600	Nguyễn Thị Cam	K14KKT2	9	9	7			7.8			7.8	8.0	Tám	
52	142311604	Nguyễn Thị Khánh Chi	K14KKT2	10	10	9			9.5			7.1	8.2	Tám phẩy Hai	
53	142311612	Văn Thị Dễ	K14KKT2	10	9	9			8			6.6	7.6	Bảy phẩy Sáu	
54	142311620	Phan Thị Diệu	K14KKT2	10	9	9			8.5			5.3	7.0	Bảy	
55	142311629	Nguyễn Nhật Duy	K14KKT2	10	8	7.5			6			6.0	6.8	Sáu phẩy Tám	
56	142311637	Phạm Thị Thu Hương	K14KKT2	9	7	7.5			8			6.5	7.1	Bảy phẩy Một	
57	142311638	Lê Thị Ngọc Hà	K14KKT2	8	7	7.8			8.2			6.8	7.3	Bảy phẩy Ba	
58	142311639	Lê Thị Nguyệt Hà	K14KKT2	10	10	9.5			8.4			7.5	8.3	Tám phẩy Ba	
59	142311646	Nguyễn Thị Thúy Hằng	K14KKT2	7	8	9			7			6.9	7.2	Bảy phẩy Hai	
60	142311651	Phạm Minh Hiền	K14KKT2	8	7.5	6			7			4.7	5.8	Năm phẩy Tám	
61	142311660	Huỳnh Thị Ngọc Hòa	K14KKT2	8	7.5	8			6.8			6.7	7.1	Bảy phẩy Một	
62	142311670	Trương Thị Kim Huệ	K14KKT2	10	9	8			7.2			6.0	7.1	Bảy phẩy Một	
63	142311680	Võ Thị Hương	K14KKT2	10	7.5	8.5			6.8			6.9	7.4	Bảy phẩy Bốn	
64	142311688	Lê Thuận Khiển	K14KKT2	10	8	7.5			6.4			6.3	7.0	Bảy	

Thời gian : -

Điểm thi kết thúc học phần của môn học này được đưa lên webstie để cho sinh viên xem, kiểm tra lại điểm quá trình và điểm thi, nếu có sai sót sinh viên đến Phòng Đào Tạo hoặc gửi email : khanhdtq@duytan.edu.com.vn để điều chỉnh.

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN	LỚP	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP										ĐIỂM TỔNG KẾT	
				A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ	
				10	10	10			15			55			
65	142311695	Phạm Thị Hà	Lan	K14KKT2	9	8	8.5			8.8			7.7	8.1	Tám phẩy Một
66	142311696	Nguyễn Thị Mỹ	Lê	K14KKT2	10	8	9			8			6.5	7.5	Bảy phẩy Năm
67	142311699	Đoàn Thị Thùy	Liên	K14KKT2	10	8	8			8.4			7.6	8.0	Tám
68	142311705	Trần Mai	Linh	K14KKT2	9	7	7.5			5.2			6.1	6.5	Sáu phẩy Năm
69	142311707	Võ Thị Phương	Linh	K14KKT2	9	7	9.5			7.6			8.4	8.3	Tám phẩy Ba
70	142311714	Nguyễn Thị	Lương	K14KKT2	9	8	7.5			5.8			6.4	6.8	Sáu phẩy Tám
71	142311724	Nguyễn Đức Diễm	My	K14KKT2	10	10	8.5			7			7.5	8.0	Tám
72	142311734	Lê Thị Hoàng	Ngân	K14KKT2	9	9	9.5			8			8.5	8.6	Tám phẩy Sáu
73	142311740	Nguyễn Thị Diệu	Ngọc	K14KKT2	10	10	9			6.7			7.7	8.1	Tám phẩy Một
74	142311751	Võ Thị	Nhân	K14KKT2	10	8	7.5			6.2			6.3	6.9	Sáu phẩy Chín
75	142311761	Trần Nguyễn	Ninh	K14KKT2	10	9	7			8.4			7.4	7.9	Bảy phẩy Chín
76	142311774	Mai Văn	Quang	K14KKT2	7	6	7			4.8			4.6	5.3	Năm phẩy Ba
77	142311779	Phan Như	Quỳnh	K14KKT2	10	9	7.5			8.2			7.1	7.8	Bảy phẩy Tám
78	142311782	Hoàng Thị	Sang	K14KKT2	10	9.5	8			8.6			7.7	8.3	Tám phẩy Ba
79	142311791	Nguyễn Ngọc	Tân	K14KKT2	9	8	7.5			6.4			6.6	7.0	Bảy
80	142311796	Nguyễn Hoài	Thanh	K14KKT2	10	10	9			7.5			7.2	8.0	Tám
81	142311805	Hoàng Thị Thanh	Thảo	K14KKT2	10	8	8			5.8			6.5	7.0	Bảy
82	142311811	Phamthị	Thảo	K14KKT2	10	9	8.5			7.2			6.3	7.3	Bảy phẩy Ba
83	142311821	Lê Viết	Thương	K14KKT2	10	8	8			7.4			7.3	7.7	Bảy phẩy Bảy
84	142311825	Trương Thị Hoài	Thương	K14KKT2	8	7	7.5			7.6			6.7	7.1	Bảy phẩy Một
85	142311844	Cao Thị Phương	Trâm	K14KKT2	8	7.5	8			7			7.1	7.3	Bảy phẩy Ba
86	142311845	Đoàn Trần Hoài	Trâm	K14KKT2	8	8	9			8.4			6.7	7.4	Bảy phẩy Bốn
87	142311851	Mai Thị Như	Trang	K14KKT2	10	8	8			7			6.4	7.2	Bảy phẩy Hai
88	142311856	Phạm Thị Thùy	Trang	K14KKT2	10	8	9.5			7.3			7.5	8.0	Tám
89	142311859	Phan Khắc	Trí	K14KKT2	8	7	9			5			6.4	6.7	Sáu phẩy Bảy
90	142311872	Trần Thị Minh	Tuyền	K14KKT2	10	8	8.5			7			6.9	7.5	Bảy phẩy Năm
91	142311878	Phan Thị Thanh	Vân	K14KKT2	10	7	7.5			7.6			5.9	6.8	Sáu phẩy Tám
92	142311885	Nguyễn Minh	Vũ	K14KKT2	3	5	7			6.6			V	V	Vắng
93	142311887	Trần Minh	Vũ	K14KKT2	10	10	9			7			7.1	7.9	Bảy phẩy Chín
94	142322032	Nguyễn Thị Lệ	Quyên	K14KKT2	9	10	9			7			6.5	7.4	Bảy phẩy Bốn
95	142251522	Tạ Quang	Nam	K14KKT3	10	8	8			7.5			6.4	7.2	Bảy phẩy Hai
96	142311593	Phạm Thị Phương	Anh	K14KKT3	10	10	10			8			8.4	8.8	Tám phẩy Tám

Thời gian : -

Điểm thi kết thúc học phần của môn học này được đưa lên webstie để cho sinh viên xem, kiểm tra lại điểm quá trình và điểm thi, nếu có sai sót sinh viên đến Phòng Đào Tạo hoặc gửi email : khanhdtq@duytan.edu.com.vn để điều chỉnh.

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN	LỚP	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP										ĐIỂM TỔNG KẾT	
				A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ	
				10	10	10			15			55			
97	142311597	Lê Trọng Bình	K14KKT3	8	7	6			5.4			5.0	5.7	Năm phẩy Bảy	
98	142311601	Nguyễn Thị Vi Châu	K14KKT3	10	8	9			7			7.8	8.0	Tám	
99	142311606	Trần Thị Kim Chi	K14KKT3	8	9	10			8			7.5	8.0	Tám	
100	142311626	Lê Thị Khánh Dương	K14KKT3	9	10	9			8			7.8	8.3	Tám phẩy Ba	
101	142311642	Hoàng Văn Hải	K14KKT3	10	10	9.3			7.3			7.0	7.9	Bảy phẩy Chín	
102	142311643	Nguyễn Thị Hải	K14KKT3	10	10	10			7.5			6.2	7.5	Bảy phẩy Năm	
103	142311661	Phạm Thị Hòa	K14KKT3	10	10	10			9.5			7.5	8.6	Tám phẩy Sáu	
104	142311667	Nguyễn Thanh Hoàng	K14KKT3	8	10	10			8.5			7.1	8.0	Tám	
105	142311672	Đinh Thị Mai Hương	K14KKT3	10	8	8			6			7.0	7.4	Bảy phẩy Bốn	
106	142311675	Nguyễn Thị Hương	K14KKT3	10	10	9			8.2			6.4	7.7	Bảy phẩy Bảy	
107	142311681	Trần Thị Xuân Hường	K14KKT3	10	9	9			7.5			6.0	7.2	Bảy phẩy Hai	
108	142311689	Huỳnh Ngọc Khương	K14KKT3	9	6	8.5			5.8			6.7	6.9	Sáu phẩy Chín	
109	142311700	Hoàng Mai Liên	K14KKT3	10	10	9			8			6.9	7.9	Bảy phẩy Chín	
110	142311715	Lê Thị Hoài Luy	K14KKT3	10	10	10			10			7.2	8.5	Tám phẩy Năm	
111	142311719	Trần Thị Hương Lý	K14KKT3	9	7.5	7.5			7.2			6.5	7.1	Bảy phẩy Một	
112	142311720	Nguyễn Thị Ngọc Mai	K14KKT3	8.5	10	9.5			7.2			7.0	7.7	Bảy phẩy Bảy	
113	142311725	Nguyễn Hoàng My My	K14KKT3	9	7	9			6.2			6.7	7.1	Bảy phẩy Một	
114	142311735	Mai Thị Kim Ngân	K14KKT3	9	9	9			5.5			5.5	6.6	Sáu phẩy Sáu	
115	142311744	Nguyễn Thị Nguyên	K14KKT3	9	8	9			6.4			6.6	7.2	Bảy phẩy Hai	
116	142311753	Đoàn Thị Hồng Dung	K14KKT3	10	10	10			8.4			6.8	8.0	Tám	
117	142311764	Ngô Thị Mỹ Oanh	K14KKT3	10	7	6			7.6			6.3	6.9	Sáu phẩy Chín	
118	142311769	Văn Thị Phước	K14KKT3	9	10	9			9.4			7.2	8.2	Tám phẩy Hai	
119	142311775	Nguyễn Thị Nguyên Quế	K14KKT3	9	6	8.3			6.2			6.0	6.6	Sáu phẩy Sáu	
120	142311788	Nguyễn Thị Tâm	K14KKT3	10	9	8.8			7.4			6.5	7.5	Bảy phẩy Năm	
121	142311792	Nguyễn Huy Thắng	K14KKT3	5	7	8			8			5.3	6.1	Sáu phẩy Một	
122	142311802	Bùi Thị Thu Thảo	K14KKT3	10	10	10			7.6			7.3	8.2	Tám phẩy Hai	
123	142311806	Lê Thị Bích Thảo	K14KKT3	9	7	9			6			5.8	6.6	Sáu phẩy Sáu	
124	142311812	Phan Thị Phương Thảo	K14KKT3	10	10	9.5			7.6			7.2	8.1	Tám phẩy Một	
125	142311822	Nguyễn Thị Thương	K14KKT3	10	10	10			9			7.2	8.3	Tám phẩy Ba	
126	142311826	Võ Thị Hoài Thương	K14KKT3	7	6	8.3			5.6			6.2	6.4	Sáu phẩy Bốn	
127	142311832	Phạm Thị Bích Thùy	K14KKT3	9	10	9			8			7.2	8.0	Tám	
128	142311847	Nguyễn Thị Ngọc Trâm	K14KKT3	10	9	8			8			6.5	7.5	Bảy phẩy Năm	

Thời gian : -

Điểm thi kết thúc học phần của môn học này được đưa lên webstie để cho sinh viên xem, kiểm tra lại điểm quá trình và điểm thi, nếu có sai sót sinh viên đến Phòng Đào Tạo hoặc gửi email : khanhdtq@duytan.edu.com.vn để điều chỉnh.

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ	TÊN	LỚP	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP									ĐIỂM TỔNG KẾT	
					A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ
					10	10	10			15			55		
129	142311849	Đinh Thị Huyền	Trang	K14KKT3	10	10	10			7.5			7.2	8.1	Tám phẩy Một
130	142311855	Phạm Thị Thu	Trang	K14KKT3	9	8	10			7			7.3	7.8	Bảy phẩy Tám
131	142311863	Phan Thành	Trung	K14KKT3	10	9	8.5			7.4			6.9	7.7	Bảy phẩy Bảy
132	142311869	Nguyễn Thanh	Tuyến	K14KKT3	8	6	7.5			5.8			5.5	6.0	Sáu
133	142311874	Lê Thị Tú	Uyên	K14KKT3	10	8	8			8			6.0	7.1	Bảy phẩy Một
134	142311882	Đỗ Đức	Viễn	K14KKT3	10	8	8.5			8			5.4	6.8	Sáu phẩy Tám
135	142311886	Nguyễn Thanh	Vũ	K14KKT3	8	6	7.8			6			6.4	6.6	Sáu phẩy Sáu
136	142311890	Đoàn Hoàng	Yến	K14KKT3	9	8	9			7.5			6.4	7.2	Bảy phẩy Hai
137	142311892	Nguyễn Thị Hồng	Yến	K14KKT3	10	9	8.5			6			6.5	7.2	Bảy phẩy Hai
138	142321905	Trương Thị Hoàng	Anh	K14KKT3	8	6	7			5.8			6.2	6.4	Sáu phẩy Bốn
139	142321997	Lý Thị Kiều	My	K14KKT3	9.5	9	7			8.4			7.0	7.7	Bảy phẩy Bảy
140	142412590	Nguyễn Thị Minh	Trung	K14KKT3	8	7	7.8			8.8			V	V	Vắng
141	142522664	Dương Thị Mỹ	Dung	K14KKT3	10	9	8			6.7			6.3	7.2	Bảy phẩy Hai
142	142311598	Lê Thị Thu	Bưởi	K14KKT4	9	9	8			6.4			6.8	7.3	Bảy phẩy Ba
143	142311602	Hoàng Linh	Chi	K14KKT4	8	9	8			6.5			7.4	7.5	Bảy phẩy Năm
144	142311610	Cao Trọng	Đại	K14KKT4	10	10	9			8.5			7.9	8.5	Tám phẩy Năm
145	142311616	Trương Thị Ngọc	Diễm	K14KKT4	9	8	7.8			8.4			6.5	7.3	Bảy phẩy Ba
146	142311622	Lê Thị Thuỳ	Dung	K14KKT4	10	10	10			6.3			7.6	8.1	Tám phẩy Một
147	142311630	Đoàn Thị Minh	Duyên	K14KKT4	9	8	8.8			7.6			6.6	7.4	Bảy phẩy Bốn
148	142311631	Ngô Thị Hải	Duyên	K14KKT4	10	8	8.5			5.5			6.3	6.9	Sáu phẩy Chín
149	142311649	Đoàn Thị Thanh	Hiền	K14KKT4	9	10	9			7			7.3	7.9	Bảy phẩy Chín
150	142311662	Trần Thị	Hòa	K14KKT4	10	10	8.5			7.3			7.4	8.0	Tám
151	142311668	Hoàng Thị	Hối	K14KKT4	9	8	8			7.3			6.1	7.0	Bảy
152	142311677	Nguyễn Thị Ngọc	Hương	K14KKT4	9	9	9			8.5			7.3	8.0	Tám
153	142311682	Bùi Thanh	Huyền	K14KKT4	10	8	9.5			6			7.0	7.5	Bảy phẩy Năm
154	142311686	Nguyễn Nho Đình	Khánh	K14KKT4	8	9	9			9			8.0	8.4	Tám phẩy Bốn
155	142311690	Đào Trọng	Kiên	K14KKT4	10	8	8.5			6			6.2	7.0	Bảy
156	142311702	Đào Ngọc	Linh	K14KKT4	10	8	8			6.3			7.6	7.7	Bảy phẩy Bảy
157	142311711	Đinh Thị Phương	Loan	K14KKT4	10	8	9			7.7			8.5	8.5	Tám phẩy Năm
158	142311716	Đinh Thị Khánh	Ly	K14KKT4	8	8	8.5			7.3			6.6	7.2	Bảy phẩy Hai
159	142311721	Trần Thị Ngọc	Mẫn	K14KKT4	10	10	9			7.5			6.6	7.7	Bảy phẩy Bảy
160	142311726	Trương Thị Thuỳ	My	K14KKT4	10	8	9			7.3			6.8	7.5	Bảy phẩy Năm

Thời gian : -

Điểm thi kết thúc học phần của môn học này được đưa lên webstie để cho sinh viên xem, kiểm tra lại điểm quá trình và điểm thi, nếu có sai sót sinh viên đến Phòng Đào Tạo hoặc gửi email : khanhdtq@duytan.edu.com.vn để điều chỉnh.

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN	LỚP	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP										ĐIỂM TỔNG KẾT	
				A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ	
				10	10	10			15			55			
161	142311732	Dương Thị Năm	K14KKT4	9	8	9.5			8			6.1	7.2	Bảy phẩy Hai	
162	142311736	Nguyễn Thị Kim Ngân	K14KKT4	10	9	9			10			6.2	7.7	Bảy phẩy Bảy	
163	142311758	Phạm Thị Thanh Nhung	K14KKT4	9	8	9			8			7.2	7.8	Bảy phẩy Tám	
164	142311765	Nguyễn Thị Tố Oanh	K14KKT4	9	10	9			10			7.3	8.3	Tám phẩy Ba	
165	142311772	Nguyễn Văn Quân	K14KKT4	10	9	8.5			6			5.4	6.6	Sáu phẩy Sáu	
166	142311776	Huỳnh Thị Quyên	K14KKT4	9	9	9			9			6.2	7.5	Bảy phẩy Năm	
167	142311784	Bùi Nguyễn Thu Tâm	K14KKT4	10	10	9			7			6.9	7.7	Bảy phẩy Bảy	
168	142311793	Trần Văn Thắng	K14KKT4	9	8	8			5.5			6.8	7.1	Bảy phẩy Một	
169	142311799	Trương Thị Phương Thanh	K14KKT4	10	10	9			9			7.4	8.3	Tám phẩy Ba	
170	142311803	Đỗ Thị Phương Thảo	K14KKT4	9	10	9.5			7.1			6.8	7.7	Bảy phẩy Bảy	
171	142311808	Mai Thị Phương Thảo	K14KKT4	10	9	9			9			7.4	8.2	Tám phẩy Hai	
172	142311813	Trần Thị Phương Thảo	K14KKT4	10	8	9			9			6.5	7.6	Bảy phẩy Sáu	
173	142311817	Nguyễn Anh Thư	K14KKT4	10	8	9			8.5			6.8	7.7	Bảy phẩy Bảy	
174	142311823	Nguyễn Thị Hoài Thương	K14KKT4	10	10	9.5			7.7			7.4	8.2	Tám phẩy Hai	
175	142311829	Hồ Thị Thuỳ	K14KKT4	10	8	9			7			5.9	7.0	Bảy	
176	142311833	Lê Thị Thuỷ	K14KKT4	9	10	9			7.1			7.0	7.7	Bảy phẩy Bảy	
177	142311834	Nguyễn Thị Thủy	K14KKT4	10	8	8			6			6.0	6.8	Sáu phẩy Tám	
178	142311842	Nguyễn Đức Tình	K14KKT4	10	10	9			8.6			6.6	7.8	Bảy phẩy Tám	
179	142311846	Nguyễn Thị Bích Trâm	K14KKT4	10	9	9			7.5			7.2	7.9	Bảy phẩy Chín	
180	142311860	Võ Thị Trinh	K14KKT4	10	8	9			9			7.2	8.0	Tám	
181	142311866	Nguyễn Thanh Tuấn	K14KKT4	10	8	8			6.6			7.2	7.6	Bảy phẩy Sáu	
182	142311870	Nguyễn Công Minh Tuyền	K14KKT4	10	9	8			6			7.9	7.9	Bảy phẩy Chín	
183	142311875	Nguyễn Thị Như Uyên	K14KKT4	10	8	8			7.7			5.5	6.8	Sáu phẩy Tám	
184	142311893	Nguyễn Thị Kim Yến	K14KKT4	10	8	8			8			7.6	8.0	Tám	
185	142322012	Bùi Thị Ý Nhi	K14KKT4	9	9	7.5			8			7.5	7.9	Bảy phẩy Chín	
186	142251501	Nguyễn Thị Thu Huyền	K14KKT5	9	9	8.3			6.4			6.5	7.2	Bảy phẩy Hai	
187	142311590	Ngô Minh Vân Anh	K14KKT5	10	10	9.5			8			7.6	8.3	Tám phẩy Ba	
188	142311594	Hoàng Thị Ngọc Ánh	K14KKT5	9	6.5	8			9			7.4	7.8	Bảy phẩy Tám	
189	142311618	Trần Thị Ngọc Diệp	K14KKT5	10	10	9.5			7.7			7.4	8.2	Tám phẩy Hai	
190	142311625	Nguyễn Hữu Dực	K14KKT5	8	9	9.5			6.6			7.1	7.5	Bảy phẩy Năm	
191	142311627	Nguyễn Cảnh Dương	K14KKT5	9	9	9			7.5			7.2	7.8	Bảy phẩy Tám	
192	142311641	Vũ Thị Hà	K14KKT5	9	10	9.5			8.3			7.9	8.4	Tám phẩy Bốn	

Thời gian : -

Điểm thi kết thúc học phần của môn học này được đưa lên webstie để cho sinh viên xem, kiểm tra lại điểm quá trình và điểm thi, nếu có sai sót sinh viên đến Phòng Đào Tạo hoặc gửi email : khanhdtq@duytan.edu.com.vn để điều chỉnh.

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN	LỚP	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP										ĐIỂM TỔNG KẾT	
				A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ	
				10	10	10			15			55			
193	142311644	Lê Thị Thuý Hằng	K14KKT5	10	7	9			8.8			7.1	7.8	Bảy phẩy Tám	
194	142311645	Nguyễn Thị Diệu Hằng	K14KKT5	10	10	8			8			5.8	7.2	Bảy phẩy Hai	
195	142311648	Trần Thị Mỹ Hạnh	K14KKT5	9	10	9			8			7.0	7.9	Bảy phẩy Chín	
196	142311663	Hoàng Thị Thu Hoài	K14KKT5	9	9	7			8.5			6.6	7.4	Bảy phẩy Bốn	
197	142311664	Nguyễn Thị Thu Hoài	K14KKT5	9	7.5	8			7			6.6	7.1	Bảy phẩy Một	
198	142311674	Lê Thị Mỹ Hương	K14KKT5	10	10	9.5			8.5			8.5	8.9	Tám phẩy Chín	
199	142311684	Lê Thị Thanh Huyền	K14KKT5	9	9	7			8			7.2	7.7	Bảy phẩy Bảy	
200	142311685	Phan Thị Việt Huyền	K14KKT5	10	9	9			8			6.9	7.8	Bảy phẩy Tám	
201	142311691	Nguyễn Thị Thúy Kiều	K14KKT5	10	10	9			7.5			5.2	6.9	Sáu phẩy Chín	
202	142311694	Ngô Thị Lan	K14KKT5	10	10	9.5			7			7.1	7.9	Bảy phẩy Chín	
203	142311709	Bùi Thị Thuý Loan	K14KKT5	9	8.5	7.5			7.2			6.5	7.2	Bảy phẩy Hai	
204	142311710	Cao Nguyễn Hồng Loan	K14KKT5	10	9	9			7.2			7.4	8.0	Tám	
205	142311713	Phạm Thị Thùy Loan	K14KKT5	10	10	7.5			8.3			8.0	8.4	Tám phẩy Bốn	
206	142311730	Trịnh Thị Thu Na	K14KKT5	8	7.5	7.5			6.4			6.9	7.1	Bảy phẩy Một	
207	142311731	Đặng Thị Hoài Nam	K14KKT5	9.5	8	9			8.8			7.1	7.9	Bảy phẩy Chín	
208	142311733	Phan Thị Hồng Nga	K14KKT5	10	9	8			9			5.6	7.1	Bảy phẩy Một	
209	142311745	Trần Thị Hạnh Nguyên	K14KKT5	10	8	9			7.3			7.5	7.9	Bảy phẩy Chín	
210	142311754	Hà Thị Cẩm Nhung	K14KKT5	8	8	9			8			7.5	7.8	Bảy phẩy Tám	
211	142311755	Lê Nữ Hồng Nhung	K14KKT5	8	9	7			9			8.1	8.2	Tám phẩy Hai	
212	142311756	Nguyễn Hồng Nhung	K14KKT5	0	0	0			0			V	V	Vắng	
213	142311757	Nguyễn Thị Hồng Nhung	K14KKT5	10	7	9.3			7.4			7.5	7.9	Bảy phẩy Chín	
214	142311768	Nguyễn Hữu Phúc	K14KKT5	9	7	8			8			6.1	7.0	Bảy	
215	142311778	Phạm Thị Nhuqg Quỳnh	K14KKT5	10	9	7			7			7.0	7.5	Bảy phẩy Năm	
216	142311780	Vũ Như Quỳnh	K14KKT5	10	7	9.3			8			7.7	8.1	Tám phẩy Một	
217	142311787	Nguyễn Thị Tâm	K14KKT5	10	8	7.5			7.4			7.1	7.6	Bảy phẩy Sáu	
218	142311789	Phạm Thị Tâm	K14KKT5	10	8	9			6.8			6.6	7.4	Bảy phẩy Bốn	
219	142311797	Phạm Thị Việt Thanh	K14KKT5	10	9	9.3			7.6			7.4	8.0	Tám	
220	142311800	Hồ Phước Thành	K14KKT5	9	9	8.5			8			6.1	7.2	Bảy phẩy Hai	
221	142311801	Trần Tuấn Thành	K14KKT5	6	7	6.5			5.2			5.6	5.8	Năm phẩy Tám	
222	142311810	Nguyễn Thị Thảo	K14KKT5	10	10	8			9			6.1	7.5	Bảy phẩy Năm	
223	142311815	Vương Đình Thông	K14KKT5	6	5	6			7.2			5.1	5.6	Năm phẩy Sáu	
224	142311816	Đỗ Thị Minh Thư	K14KKT5	10	7	8			7			5.9	6.8	Sáu phẩy Tám	

Thời gian : -

HỌC KỲ : 3
LẦN THI : 1

Điểm thi kết thúc học phần của môn học này được đưa lên webstie để cho sinh viên xem, kiểm tra lại điểm quá trình và điểm thi, nếu có sai sót sinh viên đến Phòng Đào Tạo hoặc gửi email : khanhdtq@duytan.edu.com.vn để điều chỉnh.

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN	LỚP	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP										ĐIỂM TỔNG KẾT	
				A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ	
				10	10	10			15			55			
225	142311824	Phan Thị Thương	K14KKT5	10	9	8			9			V	V	Vắng	
226	142311837	Võ Thị Thanh	K14KKT5	10	8.5	7.5			7.2			7.0	7.5	Bảy phẩy Năm	
227	142311839	Trần Thị Thuỷ	K14KKT5	9	8	9			6			7.1	7.4	Bảy phẩy Bốn	
228	142311843	Lê Bá Toại	K14KKT5	7	7	7			8.5			V	V	Vắng	
229	142311848	Nguyễn Thị Quỳnh	K14KKT5	7	7	8			6.4			6.3	6.6	Sáu phẩy Sáu	
230	142311854	Nguyễn Thùy	K14KKT5	10	8	8			4.8			5.9	6.6	Sáu phẩy Sáu	
231	142311858	Trần Hoàng Mỹ	K14KKT5	10	9	8			6.4			6.8	7.4	Bảy phẩy Bốn	
232	142311868	Nguyễn Thanh	K14KKT5	7	7	7.5			6.4			5.7	6.2	Sáu phẩy Hai	
233	142311883	Dương Đức	K14KKT5	8	7	8			7.5			6.0	6.7	Sáu phẩy Bảy	
234	142311884	Lê Thuận	K14KKT5	6	5	6			6.8			6.7	6.4	Sáu phẩy Bốn	
235	142321961	Huỳnh Thị Dịu	K14KKT5	6	8	9			8			6.4	7.0	Bảy	
236	142320495	Nguyễn Thi	T14KDN3	9	8	8			7			4.8	6.2	Sáu phẩy Hai	
237	142320586	Nguyễn Thi	T14KDN4	8	7	7			7			4.6	5.8	Năm phẩy Tám	